

Số: 85/NQ-ĐHĐCD

TP. Cần Thơ, ngày 20 tháng 4 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 10 IDICO**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực ngày 01/7/2015;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO (IDICO-INCO10) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23/12/2006 và được sửa đổi bổ sung ngày 14/8/2014;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO ngày 20/4/2018;

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XD SỐ 10 IDICO**  
**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1:** Nhất trí thông qua:

**1.1** Kết quả hoạt động SXKD năm 2017 với các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu như sau:

\* Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017:

Dvt: Triệu đồng

| Stt        | Chỉ tiêu                                | Kế hoạch năm 2017 | TH năm 2017   | Tỷ lệ %                        |                                     |
|------------|-----------------------------------------|-------------------|---------------|--------------------------------|-------------------------------------|
|            |                                         |                   |               | TH năm 2017 so với KH năm 2017 | TH năm 2017 so với cùng kỳ năm 2016 |
| <b>I</b>   | <b>Tổng giá trị SXKD</b>                | <b>90.137</b>     | <b>88.906</b> | <b>99%</b>                     | <b>66%</b>                          |
| 1          | Giá trị xây lắp                         | 78.137            | 81.986        | 105%                           | 78%                                 |
| 2          | Giá trị CN-VLXD (giá hiện hành)         | 8.000             | 2.874         | 36%                            | 11%                                 |
| 3          | Giá trị tư vấn                          | 3.500             | 3.500         | 100%                           | 107%                                |
| 4          | Giá trị kinh doanh khác                 | 500               | 546           | 109%                           | 229%                                |
| <b>II</b>  | <b>Một số chỉ tiêu tài chính</b>        |                   |               |                                |                                     |
| 1          | Doanh thu                               | 87.612            | 74.308        | 85%                            | 78%                                 |
| 2          | Lợi nhuận trước thuế                    | 822               | -7.497        | -                              | -                                   |
| 3          | Nộp NSNN                                | 8.761             | 12.741        | 145%                           | 241%                                |
| 4          | Nguồn vốn CSH                           | 35.000            | 35.000        | -                              | -                                   |
| 5          | Tỷ suất LN trước thuế/vốn CSH           | 2,35%             | -             | -                              | -                                   |
| 6          | Tổng nợ phải trả                        | 70.000            | 64.605        | 92%                            | 85%                                 |
| 7          | Tổng nợ phải thu                        | 73.000            | 25.189        | 35%                            | 35%                                 |
| <b>III</b> | <b>Tổng giá trị đầu tư</b>              | <b>-</b>          | <b>-</b>      | <b>-</b>                       | <b>-</b>                            |
| <b>IV</b>  | <b>Thu nhập bình quân (người/tháng)</b> | <b>4,5</b>        | <b>4,49</b>   | <b>99,9%</b>                   | <b>107%</b>                         |

## 1.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và biện pháp tổ chức thực hiện:

ĐVT: Triệu đồng

| Sr         | Chỉ tiêu                                | Thực hiện năm 2017 | Kế hoạch năm 2018 | Kế hoạch năm 2018 so với TH năm 2017 |
|------------|-----------------------------------------|--------------------|-------------------|--------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Tổng giá trị SXKD</b>                | <b>88.906</b>      | <b>84.300</b>     | <b>95%</b>                           |
| 1          | Giá trị xây lắp                         | 81.986             | 80.000            | 98%                                  |
| 2          | Giá trị CN-VLXD (giá hiện hành)         | 2.874              | 400               | 14%                                  |
| 3          | Giá trị tư vấn                          | 3.500              | 3.500             | 100%                                 |
| 4          | Giá trị kinh doanh khác                 | 546                | 400               | 73%                                  |
| <b>II</b>  | <b>Một số chỉ tiêu tài chính</b>        |                    |                   |                                      |
| 1          | Doanh thu                               | 74.308             | 76.636            | 103%                                 |
| 2          | Lợi nhuận trước thuế                    | -7.497             | 756               | -                                    |
| 3          | Nộp NSNN                                | 12.741             | 7.664             | 60%                                  |
| 4          | Nguồn vốn CSH                           | 35.000             | 35.000            | -                                    |
| 5          | Tỷ suất LN trước thuế/vốn CSH           | 2,35%              | 2,16%             | -                                    |
| 6          | Tổng nợ phải trả                        | 64.605             | 67.835            | 105%                                 |
| 7          | Tổng nợ phải thu                        | 25.189             | 26.448            | 105%                                 |
| <b>III</b> | <b>Tổng giá trị đầu tư</b>              | -                  | -                 | -                                    |
| <b>IV</b>  | <b>Thu nhập bình quân (người/tháng)</b> | <b>4,49</b>        | <b>5,0</b>        | <b>111%</b>                          |

### \* Những giải pháp cơ bản để thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018:

+ Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc Công ty theo Phương án được Tổng công ty IDICO chấp thuận.

+ Tập trung tiếp thị tìm kiếm việc làm để duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Tăng cường công tác quản lý, chú trọng quản lý chi phí - giá thành sản phẩm và đảm bảo chất lượng công trình xây dựng.

+ Nghiên cứu đầu tư một số dự án, xây dựng, sản xuất, ...nhằm đa dạng hóa ngành nghề.

**1.3** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 của IDICO-INCO10 đã được Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM kiểm toán.

**1.4** Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát Công ty về công tác quản lý của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc điều hành năm 2017

**1.5.** Thông qua báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và chế độ thù lao các thành viên HĐQT, BKS năm 2018.

**1.6.** Lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM thực hiện công tác kiểm toán cho năm tài chính 2018.

**1.7.** Thông qua Tờ trình giới thiệu nhân sự tham gia bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, bầu thay đổi nhân sự Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022.

**Điều 2:** Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát như sau:

\* Hội đồng quản trị: 01 người

**Ông: Nguyễn Thành Trung**

\* Ban kiểm soát: 02 người

**1. Ông Nguyễn Đức Tiến**

**2. Ông Trần Nguyễn Anh Đức**

\* Trưởng Ban kiểm soát :

**Ông Nguyễn Đức Tiến**

**Điều 3:** Giao nhiệm vụ cho Giám đốc điều hành và Kế toán trưởng Công ty đại diện pháp lý của IDICO-INCO10 thực hiện các hoạt động vay vốn, huy động vốn như:

**3.1.** Lập phương án vay vốn sản xuất kinh doanh năm 2018 đề nghị tổ chức tín dụng xem xét cấp hạn mức tín dụng và hạn mức bảo lãnh năm 2018 Trong đó, tổng hạn mức vay vốn lưu động không quá 15 tỷ đồng, tổng hạn mức bảo lãnh là 25 tỷ đồng.

**3.2.** Ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh, thỏa thuận hoặc phát hành các văn bản liên quan đến việc cấp tín dụng, vay vốn và bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với tổ chức tín dụng. Giám đốc điều hành và Kế toán trưởng chịu trách nhiệm với tất cả hồ sơ, ủy quyền ký phát hành; đồng thời được quyền ký các hồ sơ gia hạn tín dụng khi chưa có văn bản mới theo qui định tại Điều lệ Công ty.

Theo trách nhiệm, quyền hạn của mình, Giám đốc điều hành và Kế toán trưởng được quyền ủy quyền lại cho các Phó giám đốc và Phó phòng Tài chính kế toán công ty được ký thay các hồ sơ vay vốn, bảo lãnh theo quy định của Ngân hàng.

**3.3.** Thống nhất dùng tất cả các tài sản hợp pháp của Công ty (bao gồm tài sản cố định hữu hình, vô hình, các khoản phải thu, khối lượng dở dang...) của Công ty để làm tài sản thế chấp, đảm bảo vay vốn. Dùng các nguồn thu để hoàn trả nợ vay ngân hàng.

**3.4.** Trong trường hợp hạn mức năm 2018 hết hiệu lực mà IDICO-INCO10 vẫn chưa thể tiến hành Đại hội đồng cổ đông năm 2019; Hội đồng quản trị IDICO-INCO10 thống nhất đề Giám đốc điều hành Công ty được phép tiếp tục ký các hồ sơ gia hạn hạn mức.

**Điều 4: Tổ chức thực hiện**

- Đại hội đồng cổ đông tiếp thu ý kiến đóng góp tại Đại hội và tổ chức thực hiện nội dung Quyết nghị này nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD và cải thiện đời sống của người lao động.

- Nghị quyết được gửi đến các cổ đông của Công ty để theo dõi thực hiện.

**\* Nơi nhận:**

- Cổ đông Công ty;
- Tổng công ty (báo cáo);
- Ban kiểm soát Công ty;
- Ban giám đốc Công ty;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VPTH./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỊCH**



**ĐÀO MINH TIẾN**